

HOSE 17/06/2014

VNINDEX 572.25 -0.12 -0.02%

KLGD 108,669,056 CP
GTGD 1,584.25 Tỷ
GTR NDTNN 0.00 Tỷ

CP Tăng giá 138 CP
CP Giảm giá 55 CP
CP Đứng giá 111 CP



Tâm điểm

- ▶ **Đóng cửa trái chiều, thanh khoản đã có sự cải thiện**
- ▶ **Thanh khoản có sự gia tăng nhẹ**
Tổng giá trị giao dịch cả 2 sàn đạt mức khoảng 2,000 tỷ đồng
- ▶ **Việt Nam là một trong ba thị trường sơ khai hấp dẫn đầu tư nhất thế giới**
Theo kết quả khảo sát được tiến hành bởi hãng tư vấn Frontier Strategy Group (FSG) Vnexpress
- ▶ **Doanh nghiệp Việt đầu tư ra nước ngoài 17.7 tỷ USD**
Thông tin từ Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch & Đầu tư) Tiền Phong
- ▶ **IMF hạ dự báo tăng trưởng của Mỹ xuống 2%**
Mức tăng trưởng được dự báo đã giảm khá mạnh so với mức 2.8% được ra hồi Trí Thức Trẻ/Bloomberg
- ▶ **IMP: LNTT 5 tháng ước đạt 42 tỷ đồng**
Với kết quả này, công ty mới chỉ hoàn thành được 35.2% kế hoạch cả năm Trí Thức Trẻ
- ▶ **TRC: Lợi nhuận lũy kế trong 5 tháng đạt gần 73 tỷ đồng**
5 tháng đầu năm, TRC thu hoạch 2,859.4 tấn mù, bằng 130% cùng kỳ năm trước DVO

HNX 17/6/2014

HNXINDEX 76.99 0.57 0.74%

KLGD 51,626,286 CP
GTGD 525.80 Tỷ
GTR NDTNN 0.00 Tỷ

CP Tăng giá 114 CP
CP Giảm giá 65 CP
CP Đứng giá 200 CP



Thị trường / Ngành

Theo thị trường

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
HOSE	1,014,893	13.8	3.1	20.6%	10.9%
HNX	123,457	17.3	1.5	7.4%	4.0%
Toàn bộ thị trường	1,138,350	16.1	3.0	19.4%	10.2%

Theo ngành

Nhựa, cao su & sợi	7,062	5.9	0.9	15.7%	10.7%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	18,892	7.1	1.5	21.1%	15.3%
Thép và sản phẩm thép	36,180	19.6	2.0	18.0%	7.7%
Khai khoáng	11,939	52.1	5.0	1.9%	1.3%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	20,609	16.9	1.4	11.3%	8.1%
Xây dựng	28,313	40.2	1.0	-4.3%	1.5%
Máy công nghiệp	7,785	6.0	1.3	21.2%	14.6%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	9,010	13.8	1.3	14.3%	10.8%
Lốp xe	6,641	8.0	2.2	29.1%	12.8%
Nuôi trồng nông & hải sản	15,278	9.4	1.2	14.5%	6.5%
Thực phẩm	201,360	23.0	4.8	21.0%	16.2%
Dược phẩm	14,996	11.9	3.1	25.4%	16.8%
Phần mềm	16,296	10.0	2.1	22.1%	9.6%
Sản xuất & phân phối điện	25,222	6.7	1.2	-5.0%	3.4%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	206,774	17.3	5.5	33.0%	22.1%
Bảo hiểm nhân thọ	27,287	22.1	2.2	10.0%	2.3%
Môi giới chứng khoán	24,226	13.1	1.3	8.3%	6.3%
Ngân hàng	245,509	11.1	1.2	11.1%	0.9%
Bất động sản	132,171	11.2	2.4	27.7%	6.9%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	36,378	9.5	1.9	20.5%	8.5%

VN30 & HNX30 INDEX

VN30 620.61 1.99 0.32%
HNX30 154.42 1.49 0.97%

Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

Việt Nam là một trong ba thị trường sơ khai hấp dẫn đầu tư nhất thế giới

Doanh nghiệp Việt đầu tư ra nước ngoài 17.7 tỷ USD

IMF hạ dự báo tăng trưởng của Mỹ xuống 2%

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

IMP: LNTT 5 tháng ước đạt 42 tỷ đồng

TRC: Lợi nhuận lũy kế trong 5 tháng đạt gần 73 tỷ đồng

SGT: Năm 2014, đặt kế hoạch lợi nhuận đạt 150 tỷ đồng

► Tin kinh tế

Tuần trước, hãng tư vấn Frontier Strategy Group (FSG) đã công bố Chỉ số Frontier Markets Sentiment Index trên Wall Street Journal. Chỉ số này cho thấy mức độ quan tâm của các công ty đa quốc gia lớn tại Mỹ và châu Âu với 70 thị trường sơ khai trên thế giới. Theo đó, ba nước dẫn đầu là Nigeria, Argentina và Việt Nam. Khảo sát này vừa cho thấy thái độ hiện tại của các công ty với thị trường sơ khai, vừa tiết lộ các chuyển biến trong tương lai. Theo đó, nếu được 50 trong 200 công ty để mất, phần trăm của quốc gia đó sẽ là 25%.

Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ KH&ĐT) cho biết, giai đoạn 1989 - 2013, có 712 dự án của các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra 56 quốc gia và vùng lãnh thổ, tổng vốn đầu tư đăng ký 17.7 tỷ USD. Trong đó, vốn thực hiện trên 4.97 tỷ USD, chủ yếu vào các lĩnh vực: Khai khoáng (gồm cả dầu khí), nông - lâm nghiệp, thủy điện, thông tin truyền thông, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm. Lợi nhuận của các dự án đạt khoảng 675 triệu USD (bằng 13.8% tổng vốn đầu tư đã thực hiện), do phần lớn dự án được đầu tư trong giai đoạn 2006 - 2013 (572 dự án đầu tư mới, tổng vốn đầu tư đăng ký 16.9 tỷ USD), và đang trong quá trình triển khai chưa thấy rõ ngay hiệu quả.

Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) hôm qua (16/6) đã đưa ra động thái hạ dự báo tăng trưởng của kinh tế Mỹ năm 2014. IMF cho rằng có thể Fed sẽ có điều kiện để giữ lãi suất ở mức 0 lâu hơn so với dự đoán của nhà đầu tư. Theo đó, IMF dự báo nền kinh tế lớn nhất thế giới sẽ tăng trưởng 2% trong năm nay, giảm khá mạnh so với mức 2.8% được ra hồi tháng 4. Tăng trưởng của năm 2015 được giữ nguyên ở mức 3%. Bà Christine Lagarde – giám đốc điều hành IMF – cho rằng phần lớn nguyên nhân khiến IMF phải hạ dự báo là do nền kinh tế Mỹ đã suy giảm trong quý 1, khi mùa đông lạnh giá, thị trường nhà đất ẽo uột và lực cầu yếu.

► Tin doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm (HOSE: IMP) vừa công bố ước kết quả kinh doanh tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2014. Trong riêng tháng 5, Imexpharm đạt 67.1 tỷ đồng doanh thu và thu nhập, trong đó 66.5 tỷ đồng là doanh thu thuần. LNTT tháng 5 của công ty đạt 8.8 tỷ đồng, nâng kết quả lũy kế 5 tháng lên 42.2 tỷ đồng, tương đương 35.2% kế hoạch cả năm. So với cùng kỳ 2013, kết quả kinh doanh 5 tháng đầu năm 2014 sụt giảm từ 6.8% đến 9.8%. Theo IMP, trong 5 tháng đầu năm, tỷ trọng các chi phí lớn trên doanh thu thuần có giảm so với cùng kỳ năm trước, cho thấy hiệu quả kiểm soát chi phí ngày càng cải thiện. Tuy nhiên, doanh thu thuần sụt giảm khiến kết quả kinh doanh có phần giảm sút như đã nói ở trên.

Công ty CP Cao su Tây Ninh (HOSE: TRC) vừa công bố kết quả kinh doanh tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2014. Theo đó, 5 tháng đầu năm, công ty thu hoạch được 2,859.4 tấn mủ cao su, đạt 130% so với cùng kỳ năm trước. Với tình hình giá cả cao su tiếp tục sụt giảm (bình quân quý 1 đạt 47.3 tỷ đồng), lợi nhuận thu được của Cao su Tây Ninh trong tháng 5 đạt 14,2 tỷ đồng, nâng lợi nhuận lũy kế trong 5 tháng đạt gần 73 tỷ đồng, bao gồm 14.8 tỷ đồng từ sản xuất, kinh doanh cao su; 15.4 tỷ đồng từ hoạt động tài chính; 42.5 tỷ đồng từ hoạt động thanh lý cây cao su. Hết tháng 5, TRC tồn kho 1,032.3 tấn. Tính chung 5 tháng, giá bán bình quân 1 tấn cao su là 46.8 triệu đồng. Tháng 6/2014, công ty dự kiến khai thác 839 tấn mủ cao su, chế biến 1,250 tấn, tiêu thụ 1,225 tấn, trong đó tiêu thụ nội địa 938 tấn, xuất khẩu 287 tấn.

Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn (SaigonTel) (HOSE: SGT) vừa công bố tài liệu ĐHCĐ thường niên sẽ diễn ra ngày 26/6/2014 tới đây. Năm 2013 hoạt động kinh doanh của SGT có dấu hiệu khả quan với việc thoát lỗ (lãi 160 triệu đồng) và khả năng thanh toán được cải thiện. Trên đà tăng trưởng, SGT đề xuất kế hoạch kinh doanh năm 2014 với chỉ tiêu Tổng doanh thu 470 tỷ đồng, tăng 1.82 lần so với năm 2013, LNTT 150 tỷ đồng. Năm 2013, SGT lãi trước thuế 12.5 tỷ đồng nhưng phải chịu các chi phí thuế TNDN hiện hành và hoãn lại "ăn" gần hết lợi nhuận, lãi ròng còn lại vốn vụn 160 triệu đồng.

HOSE 17/06/2014 VNINDEX 572.25 -0.12 -0.02% 108,669,056 CP 1,584.25 bil VND

Đóng cửa trái chiều, thanh khoản có sự cải thiện

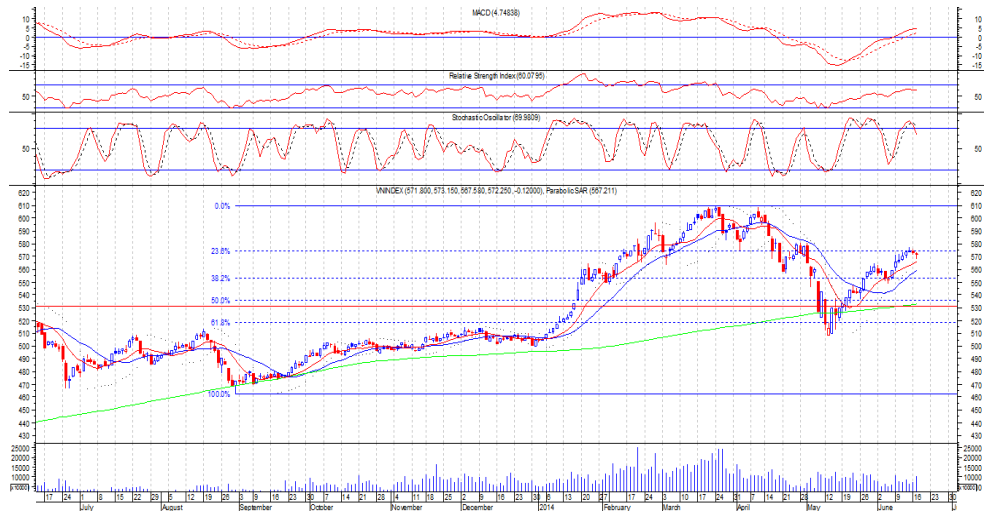
VN-Index giảm 0.12 điểm (-0.02%), đóng cửa tại mức 572.25 điểm. VN-Index hình thành cây nến đỏ, thân ngắn, chỉ số này tiếp tục điều chỉnh nhẹ.

- MACD sau khi cắt lên đường zero - base, tiếp tục gia tăng, cho thấy xu hướng tăng điểm vẫn được duy trì.

- Stochastic Oscillator sau khi cho tín hiệu bán ra, tiếp tục đi ra khỏi vùng quá mua.

- RSI (14) đi ngang và duy trì ở mức 60.

- VN-Index đang hướng tới vùng kháng cự 580 điểm, nhịp tích lũy đi ngang tại vùng điểm 570 - 580 điểm vẫn đang được duy trì.



HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	0.2 (1.8%)	11,461,160
ITA	0.3 (3.8%)	9,580,580
HQC	0.5 (6.8%)	8,850,900
SSI	0.8 (3.2%)	3,977,680
SAM	0.5 (5.2%)	3,262,960

HOSE Top 5 theo % tăng

HHS	1.7 (7.0%)	583,200
VID	0.3 (7.0%)	13,380
PXS	1.3 (6.9%)	1,235,890
TNT	0.2 (6.9%)	411,580
BGM	0.3 (6.8%)	971,510

HOSE Top 5 theo % giảm

TV1	-2.2 (-15.3%)	1,090
TPC	-0.9 (-8.6%)	10
ATA	-0.5 (-6.9%)	1,075,720
NVN	-0.2 (-6.1%)	9,310
CYC	-0.3 (-6.0%)	1,860

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

STB	20,6 tỷ	979,600
DPM	11,9 tỷ	363,220
PVD	7,8 tỷ	91,260
HDG	5,6 tỷ	203,460
CSM	4,9 tỷ	126,030

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

GAS	-10,6 tỷ	100,910
HAG	-9,4 tỷ	385,030
HPG	-7,4 tỷ	139,980
VIC	-4,7 tỷ	72,620
PVT	-3,7 tỷ	301,420

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	4,790,360	0.00

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ VN-Index chịu áp lực điều chỉnh mạnh ở phiên sáng khi nhiều CP vốn hóa lớn giảm giá, tuy nhiên đà tăng lan rộng ở phiên chiều, nhưng VN-Index vẫn đóng cửa giảm
- ▶ KLGD gia tăng và đạt 103 triệu đơn vị. Dù tâm lý nhà đầu tư đang khá thận trọng nhưng đây là một tín hiệu khá tích cực nếu thanh khoản tiếp tục được duy trì.
- ▶ Khối ngoại mua ròng 14 tỷ trong phiên hôm nay. Sắp tới là kỳ cơ cấu danh mục của Quỹ ETF, nên nhiều khả năng giao dịch khối này sẽ ảnh hưởng lớn tới Index.
- ▶ VN-Index đang hướng tới vùng kháng cự 580 điểm. Việc điểm số và thanh khoản gia tăng dần là một tín hiệu rất tích cực cho thị trường.
- ▶ NĐT ưa mạo hiểm có thể xem xét mua vào, ưu tiên nhóm cổ phiếu cơ bản tốt. Tuy nhiên, rủi ro T+ sẽ gia tăng, vì vậy việc dùng đòn bẩy nên được hạn chế.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

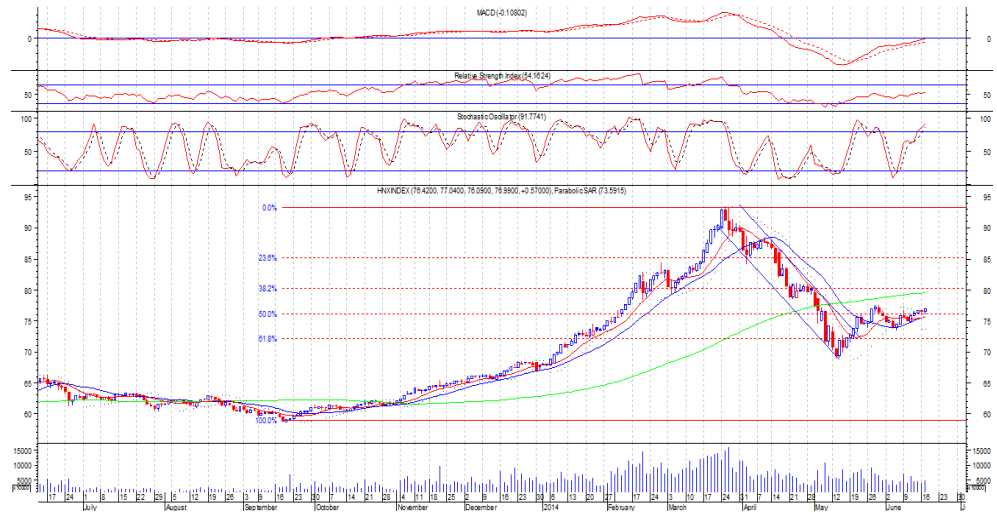
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	105.0	198,975.00	17.9	5.7	33.4%	22.6%
VNM	833.4	122.0	101,679.35	15.9	5.4	36.4%	29.1%
MSN	734.9	97.0	71,286.40	220.5	4.9	2.2%	0.7%
VCB	2,317.4	30.0	69,522.51	15.7	1.6	10.4%	1.0%
VIC	894.2	64.5	57,678.51	7.8	3.7	47.0%	11.1%
CTG	3,723.4	14.7	54,734.05	8.6	1.0	11.4%	1.1%
BID	2,811.2	14.9	41,886.92	9.1	1.3	14.2%	0.8%
BVH	680.5	39.8	27,082.76	22.2	2.2	10.0%	2.3%
HPG	481.9	52.5	25,300.18	10.5	2.4	25.0%	10.7%
STB	1,142.5	21.0	23,992.74	11.0	1.5	13.5%	1.3%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	255.9	12.3	3,147.08	13.0	1.1	NA	TH.DOI
FPT	343.9	46.9	16,128.64	9.9	2.1	NA	TH.DOI
CII	112.9	18.3	2,065.37	14.4	1.3	NA	TH.DOI
BMP	45.5	69.0	3,138.02	8.4	2.0	NA	TH.DOI
NHS	60.8	11.9	722.93	5.1	0.8	NA	TH.DOI
FDC	27.6	18.8	519.07	1.9	0.8	NA	TH.DOI

HNX 17/06/2014 HNX-Index 76.99 0.57 0.74% 51,626,286 CP 525.80 bil. VND

Đóng cửa trái chiều, thanh khoản có sự cải thiện
 Chỉ số HNX-Index tăng 0.57 điểm (+0.74%), đóng cửa tại mốc 76.99 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến xanh thân ngắn, chỉ số này đóng cửa ở mức cao nhất trong phiên.
 - Chỉ báo Stochastic Oscillator tiếp tục gia tăng và đi sâu vào vùng quá mua.
 - MACD tăng nhẹ và sắp cắt đường zero-base.
 - RSI (14) tăng nhẹ lên mức 54.
 - HNX-Index đang có xu hướng giao dịch tích lũy ở vùng Fb 50% và MA20.



HNX Top 5 theo KLGD

KLF	0.1 (0.9%)	6,815,300
KLS	0.4 (3.4%)	5,248,460
SCR	0.2 (2.3%)	4,514,600
PVX	0 (0.0%)	4,099,340
SHB	0.1 (1.1%)	2,833,510

HNX Top 5 theo % tăng

HDO	0.4 (10.0%)	307,300
KSK	1.1 (10.0%)	281,720
SCJ	1.3 (10.0%)	1,600
NHC	2.7 (10.0%)	5,500
VFR	1 (9.8%)	6,300

HNX Top 5 theo % giảm

CAN	-3.9 (-10.0%)	150
VLA	-1.4 (-9.6%)	100
HLC	-0.9 (-9.5%)	900
CSC	-1.7 (-9.3%)	3,000
AMV	-0.5 (-9.1%)	27,800

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

PVS	9,8 tỷ	364,200
VND	4,9 tỷ	315,000
SHB	3,1 tỷ	341,400
PGS	1,2 tỷ	41,300
DBC	0,5 tỷ	23,800

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

VCS	-2,7 tỷ	195,800
PVX	-1,1 tỷ	254,400
PVG	-0,3 tỷ	30,000
NLC	-0,2 tỷ	7,700
CVT	-0,2 tỷ	11,800

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	1,354,800	0.00

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Phiên sáng, HNX-Index giảm điểm nhẹ. Tuy vậy thì đà tăng lan rộng ở cuối phiên sáng đã giúp chỉ số này tăng điểm dần và đóng cửa ở mức cao nhất trong phiên.
- ▶ KLGD gia tăng nhẹ và đạt khoảng 49 triệu đơn vị. Tâm lý nhà đầu tư đang khá thận trọng nhưng việc thanh khoản gia tăng dần là một tín hiệu tích cực.
- ▶ Khối ngoại mua ròng 16 tỷ trong phiên hôm nay. Sắp tới là kỳ cơ cấu danh mục của Quỹ ETF, nên nhiều khả năng giao dịch khối này sẽ ảnh hưởng lớn tới Index.
- ▶ Chúng tôi cho rằng HNX-Index vẫn đang nhịp tích lũy vùng 74 - 76 điểm. Nếu thanh khoản tiếp tục duy trì tốt thì kỳ vọng HNX-Index bứt phá vùng này sẽ lớn dần.
- ▶ NĐT ưa mạo hiểm có thể xem xét mua vào, ưu tiên nhóm cổ phiếu cơ bản tốt. Tuy nhiên, rủi ro T+ sẽ gia tăng, vì vậy việc dùng đòn bẩy nên được hạn chế.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
ACB	909.8	15.5	14,101.60	18.5	1.1	6.1%	0.5%
PVS	446.7	27.0	12,060.91	7.8	1.4	19.3%	6.2%
SQC	110.0	77.9	8,569.00	264.6	6.5	-2.4%	-2.0%
SHB	886.1	9.2	8,151.97	10.0	0.8	7.9%	0.7%
VCG	441.7	13.5	5,963.09	13.1	1.1	8.3%	1.8%
OCH	200.0	25.6	5,120.00	36.3	2.4	6.3%	3.1%
PVI	225.4	18.3	4,125.08	14.8	0.7	4.6%	2.1%
LAS	77.8	40.5	3,152.20	7.1	2.2	33.5%	17.5%
NTP	56.3	51.0	2,873.30	9.9	2.2	23.8%	16.0%
VNR	100.8	27.8	2,803.01	8.0	1.2	14.5%	7.0%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	28.1	1,067.80	6.7	1.2	NA	TH.DOI
AAA	19.8	18.6	368.28	7.0	0.7	NA	TH.DOI
VND	96.9	15.7	1,521.90	10.6	1.2	NA	TH.DOI
NTP	56.3	51.0	2,873.30	9.9	2.2	NA	TH.DOI
PVC	50.0	15.8	790.00	9.3	0.9	NA	TH.DOI
DXP	7.9	38.0	299.25	6.1	1.4	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	71,286.40	15.35%	97.0	220.53	4.94	77,102	135,988	267,123
VIC	HOSE	894.2	57,678.51	14.46%	64.5	7.82	3.74	127,749	192,570	481,669
HPG	HOSE	481.9	25,300.18	11.74%	52.5	10.48	2.41	372,795	458,675	793,890
PVD	HOSE	275.3	23,672.20	8.68%	86.0	10.72	2.22	268,628	239,983	440,595
DPM	HOSE	379.9	12,423.85	8.01%	32.7	6.56	1.42	825,871	945,745	1,456,216
HAG	HOSE	718.2	17,666.61	7.98%	24.6	14.43	1.33	2,214,540	2,232,163	3,360,787
VCB	HOSE	2,317.4	69,522.51	6.11%	30.0	15.73	1.58	335,998	380,103	739,479
STB	HOSE	1,142.5	23,992.74	4.13%	21.0	10.96	1.45	1,807,868	1,830,283	1,256,212
BVH	HOSE	680.5	27,082.76	3.08%	39.8	22.15	2.18	168,042	289,161	461,393
ITA	HOSE	718.0	5,959.45	2.71%	8.3	101.18	0.74	3,756,970	4,549,326	7,858,114
HSG	HOSE	96.3	4,285.93	2.68%	44.5	10.90	1.93	74,131	103,112	191,817
GMD	HOSE	114.4	3,810.24	2.26%	33.3	123.92	0.84	203,308	274,945	357,168
PPC	HOSE	318.2	6,617.62	2.03%	20.8	7.25	1.17	156,670	294,973	713,218
VSH	HOSE	206.2	3,423.60	1.74%	16.6	15.94	1.28	132,938	275,732	642,184
CSM	HOSE	67.3	2,631.12	1.64%	39.1	7.08	2.02	290,363	282,365	458,871
KBC	HOSE	389.8	4,248.39	1.48%	10.9	24.19	0.82	733,151	658,257	1,012,644
DRC	HOSE	83.1	3,655.25	1.33%	44.0	9.35	2.44	81,283	116,395	286,875
PVT	HOSE	255.9	3,147.08	1.18%	12.3	13.03	1.10	494,223	540,517	1,117,411
DIG	HOSE	143.0	2,359.43	1.01%	16.5	44.04	0.99	258,227	220,357	514,870
OGC	HOSE	300.0	3,300.00	0.91%	11.0	48.12	1.02	1,251,488	1,356,513	2,708,894
PET	HOSE	69.8	1,124.46	0.87%	16.1	7.32	0.87	548,481	489,031	633,265

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
PVS	HNX	446.7	12,060.91	5.37%	27.0	7.82	1.39	1,213,574	1,397,000	2,587,950
VIC	HOSE	894.2	57,678.51	8.00%	64.5	7.82	3.74	127,749	192,570	481,669
VCB	HOSE	2,317.4	69,522.51	7.00%	30.0	15.73	1.58	335,998	380,103	739,479
BVH	HOSE	680.5	27,082.76	6.50%	39.8	22.15	2.18	168,042	289,161	461,393
DPM	HOSE	379.9	12,423.85	5.79%	32.7	6.56	1.42	825,871	945,745	1,456,216
STB	HOSE	1,142.5	23,992.74	4.26%	21.0	10.96	1.45	1,807,868	1,830,283	1,256,212
PVD	HOSE	275.3	23,672.20	3.22%	86.0	10.72	2.22	268,628	239,983	440,595
ITA	HOSE	718.0	5,959.45	3.73%	8.3	101.18	0.74	3,756,970	4,549,326	7,858,114
SHB	HNX	886.1	8,151.97	2.86%	9.2	9.98	0.76	3,456,350	5,095,323	8,156,784
PPC	HOSE	318.2	6,617.62	1.58%	20.8	7.25	1.17	156,670	294,973	713,218
OGC	HOSE	300.0	3,300.00	2.33%	11.0	48.12	1.02	1,251,488	1,356,513	2,708,894
GMD	HOSE	114.4	3,810.24	1.62%	33.3	123.92	0.84	203,308	274,945	357,168
MSN	HOSE	734.9	71,286.40	8.00%	97.0	220.53	4.94	77,102	135,988	267,123
HAG	HOSE	718.2	17,666.61	2.83%	24.6	14.43	1.33	2,214,540	2,232,163	3,360,787
DRC	HOSE	83.1	3,655.25	1.28%	44.0	9.35	2.44	81,283	116,395	286,875
VCG	HNX	441.7	5,963.09	3.58%	13.5	13.07	1.05	1,527,050	1,946,728	2,404,955
PVT	HOSE	255.9	3,147.08	2.05%	12.3	13.03	1.10	494,223	540,517	1,117,411

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	894.2	57,678.51	0.00%	64.5	7.82	3.74	127,749	192,570	481,669
MSN	HOSE	734.9	71,286.40	0.00%	97.0	220.53	4.94	77,102	135,988	267,123
DPM	HOSE	379.9	12,423.85	0.00%	32.7	6.56	1.42	825,871	945,745	1,456,216
HAG	HOSE	718.2	17,666.61	0.00%	24.6	14.43	1.33	2,214,540	2,232,163	3,360,787
VCB	HOSE	2,317.4	69,522.51	0.00%	30.0	15.73	1.58	335,998	380,103	739,479
STB	HOSE	1,142.5	23,992.74	0.00%	21.0	10.96	1.45	1,807,868	1,830,283	1,256,212
BVH	HOSE	680.5	27,082.76	0.00%	39.8	22.15	2.18	168,042	289,161	461,393
CTG	HOSE	3,723.4	54,734.05	0.00%	14.7	8.58	0.98	223,392	288,307	669,441
GAS	HOSE	1,895.0	198,975.00	0.00%	105.0	17.86	5.66	350,794	387,027	442,058

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	71,286.40	0.81%	97.0	220.53	4.94	77,102	135,988	267,123
VIC	HOSE	894.2	57,678.51	0.55%	64.5	7.82	3.74	127,749	192,570	481,669
DPM	HOSE	379.9	12,423.85	0.26%	32.7	6.56	1.42	825,871	945,745	1,456,216
VCB	HOSE	2,317.4	69,522.51	0.20%	30.0	15.73	1.58	335,998	380,103	739,479
STB	HOSE	1,142.5	23,992.74	0.14%	21.0	10.96	1.45	1,807,868	1,830,283	1,256,212
BVH	HOSE	680.5	27,082.76	0.10%	39.8	22.15	2.18	168,042	289,161	461,393

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: SLCKVN
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTTSQL: **4,752.96 mil.**

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,062	5.9	0.9	15.7%	10.7%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	18,892	7.1	1.5	21.1%	15.3%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	1,816	22.1	0.7	3.2%	2.1%
Sản xuất giấy	772	7.9	0.8	11.1%	5.6%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	36,180	19.6	2.0	18.0%	7.7%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,615	4.1	0.7	18.2%	3.8%
Khai khoáng	11,939	52.1	5.0	1.9%	1.3%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	20,609	16.9	1.4	11.3%	8.1%
Xây dựng	28,313	- 40.2	1.0	-4.3%	1.5%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	1,988	6.8	1.1	17.2%	9.0%
Công nghiệp phức hợp	741	3.7	0.9	22.2%	16.3%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,707	9.7	0.9	7.8%	3.8%
Thiết bị điện	1,593	- 16.9	0.7	-0.6%	-1.3%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	39	24.4	0.5	2.2%	1.5%
Máy công nghiệp	7,785	6.0	1.3	21.2%	14.6%
Vận tải					
Vận tải thủy	8,248	- 1.6	0.8	2.2%	-0.5%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	9,010	13.8	1.3	14.3%	10.8%
Dịch vụ vận tải	5,883	8.7	1.5	18.3%	11.2%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	3,129	10.7	1.4	13.4%	4.6%
Đào tạo & Việc làm	199	9.4	0.6	8.0%	2.6%
Nhà cung cấp thiết bị	181	8.4	0.8	10.7%	4.9%
Chất thải & Môi trường	157	2.4	0.7	34.9%	17.0%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	1,770	10.0	1.3	13.1%	7.6%
Lốp xe	6,641	8.0	2.2	29.1%	12.8%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,731	6.7	1.1	15.9%	8.6%
Vang & Rượu mạnh	352	13.1	2.2	19.0%	11.7%
Đồ uống & giải khát	265	7.6	1.4	14.2%	9.7%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	15,278	9.4	1.2	14.5%	6.5%
Thực phẩm	201,360	23.0	4.8	21.0%	16.2%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	49	39.0	0.6	1.6%	1.2%
Thiết bị gia dụng	2,090	8.0	0.9	12.6%	6.2%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	140	7.8	1.3	14.5%	10.1%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,021	8.3	1.4	17.8%	7.1%
Giày dép	8	- 1.1	0.5	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	4,834	8.8	1.7	16.7%	9.0%
Thuốc lá					
Thuốc lá	706	- 8.5	1.1	0.1%	4.2%

Chỉ số bình quân ngành		Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế						
Thiết bị và dịch vụ y tế						
Thiết bị y tế		824	14.8	0.9	4.9%	2.9%
Dụng cụ y tế		139	3.4	1.8	31.8%	13.0%
Dược phẩm						
Công nghệ sinh học		172	8.2	1.1	13.2%	9.3%
Dược phẩm		14,996	11.9	3.1	25.4%	16.8%
Bán lẻ						
Phân phối thực phẩm và dược						
Phân phối thực phẩm		378	49.5	1.2	2.4%	0.7%
Bán lẻ						
Bán lẻ phức hợp		736	13.2	1.1	12.7%	8.1%
Phân phối hàng chuyên dụng		2,066	8.3	1.3	14.8%	3.1%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí						
Truyền thông						
Dịch vụ truyền thông		10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa		1,027	8.2	0.9	12.3%	8.1%
Du lịch và giải trí						
Hàng không		184	8.1	3.4	52.7%	27.1%
Khách sạn		5,691	35.6	2.3	6.0%	3.1%
Dịch vụ giải trí		2,157	27.1	1.4	15.3%	13.0%
Vận tải hành khách & Du lịch		1,170	10.4	2.0	15.7%	13.9%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin						
Viễn thông cố định						
Viễn thông cố định		54	12.7	0.4	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính						
Dịch vụ máy tính		513	20.3	0.6	3.1%	1.2%
Internet		296	62.4	0.7	1.1%	0.2%
Phần mềm		16,296	10.0	2.1	22.1%	9.6%
Thiết bị và phần cứng						
Phần cứng		411	14.8	0.7	4.1%	1.6%
Thiết bị văn phòng		267	5.2	1.0	20.0%	14.9%
Thiết bị viễn thông		2,035	13.7	0.7	5.0%	3.6%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt						
Sản xuất & phân phối điện						
Sản xuất & phân phối điện		25,222	-	6.7	1.2	-5.0%
Nước & khí đốt						
Phân phối xăng dầu & khí đốt		206,774	17.3	5.5	33.0%	22.1%
Nước		1,165	6.3	1.0	16.7%	11.1%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản						
Bảo hiểm phi nhân thọ						
Bảo hiểm phức hợp		1,167	5.2	0.8	15.0%	5.0%
Bảo hiểm phi nhân thọ		6,205	11.7	0.7	5.8%	2.7%
Tái bảo hiểm		2,823	8.0	1.2	14.5%	7.0%
Bảo hiểm nhân thọ						
Bảo hiểm nhân thọ		27,287	22.1	2.2	10.0%	2.3%
Dịch vụ tài chính						
Tài chính đặc biệt		3,270	48.1	1.0	2.1%	0.6%
Môi giới chứng khoán		24,226	13.1	1.3	8.3%	6.3%
Ngân hàng						
Ngân hàng		245,509	11.1	1.2	11.1%	0.9%
Bất động sản						
Bất động sản		132,171	11.2	2.4	27.7%	6.9%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản		8	14.2	0.7	5.5%	2.5%
Dầu khí						
Thiết bị, dịch vụ và phân phối						
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí		36,378	9.5	1.9	20.5%	8.5%

- | | | | |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ Nguyễn Hữu Quang | Giám đốc Tư vấn Đầu tư
quangnh@vietinbanksc.com.vn | | |
| ▶ Nguyễn Quang Sắc | sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ Nguyễn Thu Hằng | hangntt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Thép và sản phẩm thép
- Dược phẩm |
| ▶ Nguyễn Hoài Nam | namnh@vietinbanksc.com.vn
- Sản phẩm hóa dầu
- Phân phối xăng dầu, khí đốt
- Thiết bị và dịch vụ dầu khí | ▶ Vũ Ánh Nguyệt | nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Nhựa, cao su, sợi
- Thực phẩm
- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.